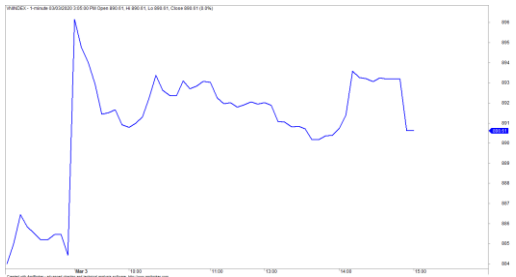


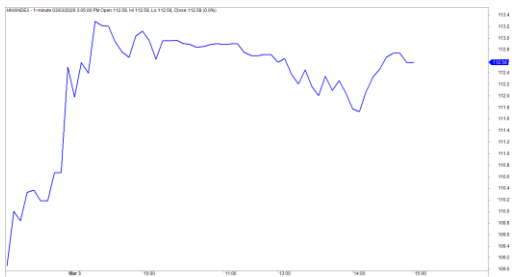
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	890.61	112.58	55.47
% ngày	0.70%	1.73%	0.54%
% tuần	-2.10%	5.55%	-0.11%
% tháng	-4.04%	11.12%	2.00%
% năm	-9.09%	4.96%	-0.38%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,878	925	420
TB 1 tuần	3,687	761	310
TB 1 tháng	3,618	546	323
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	585.43	3.43	47.29
Bán	854.32	88.41	34.23
Giá trị ròng	-268.88	-84.97	13.06
Độ rộng TT			
Mã Tăng	193	82	173
Mã Giảm	104	66	82
Không Đổi	93	224	648
Chỉ số chính			
P/E	13.67	9.28	14.49
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,034	207	861
LS Cổ tức	2.61%	5.63%	5.05%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hưng phấn ngay từ đầu phiên khi DJIA ghi nhận phiên hồi phục mạnh 5% tối hôm trước. Chỉ số VN-Index ghi nhận mức cao nhất phiên tại 895 điểm nhưng áp lực bán mạnh tại vùng này khiến chỉ số đóng cửa thu hẹp đà tăng còn 0.7% dừng tại 890.61 điểm. Chỉ số HNX-Index tiếp tục xung lực tăng mạnh với mức tăng 1.73% đóng cửa tại 112.58 điểm trong khi Upcom-Index tăng nhẹ 0.53%. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 4,100 tỷ đồng toàn thị trường.

Nhóm Ngân hàng giúp tâm lý thị trường khá tích cực với bộ đôi CTG(+3.7%), BID(+3.9%) tăng khá mạnh. MBB(+1%), VPB(+0.8%) trên HSX và SHB(+6.5%), ACB(+1.6%) trên HNX và LPB(+14.5%) trên Upcom cũng có mức tăng vượt trội. CTD tăng kịch trần đóng cửa tại 68,400 đồng/cp và đồ thị giá đang tạo đáy cao hơn sau khi tạo đáy quanh 47,000 đồng/cp. Dòng tiền có xu hướng dịch chuyển sang nhóm Mid-Cap và Small-Cap giúp các chỉ số VNMID-Index và VNSML-Index tăng lần lượt 1.14% và 1.23%. Tiêu biểu DRH(+7%), HHS(+6.9%), ANV(+6.4%), FLC(+3.5%), PVD(+3%).

Trên sàn HNX, SHB duy trì đà tăng với mức tăng 7.6% mặc dù đồ thị giá đang đối diện với vùng đỉnh cũ quanh 11,600 đồng/cp.

Khối ngoại tiếp tục động thái bán ròng với giá trị 340 tỷ đồng toàn thị trường. SHB(61.2 tỷ), HPG(59 tỷ), HDB(37.9 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, E1VFN30(27.5 tỷ), NLG(25.4 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ biến động hẹp quanh vùng giá 890 điểm của chỉ số VN-Index và chỉ số HNX-Index cũng có thể đối mặt với nhịp điều chỉnh về lại vùng giá 111.0 – 111.5 điểm. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn giảm nhẹ, nhưng áp lực giảm vẫn còn cao cho nên các nhà đầu tư cần hạn chế mua đuổi và mua mới vẫn nên để tỷ trọng thấp. Điểm tích cực là dòng tiền cũng đang có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu và cơ hội cũng xuất hiện ở từng cổ phiếu cho nên các nhà đầu tư cũng nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới cũng có chiều hướng gia tăng.

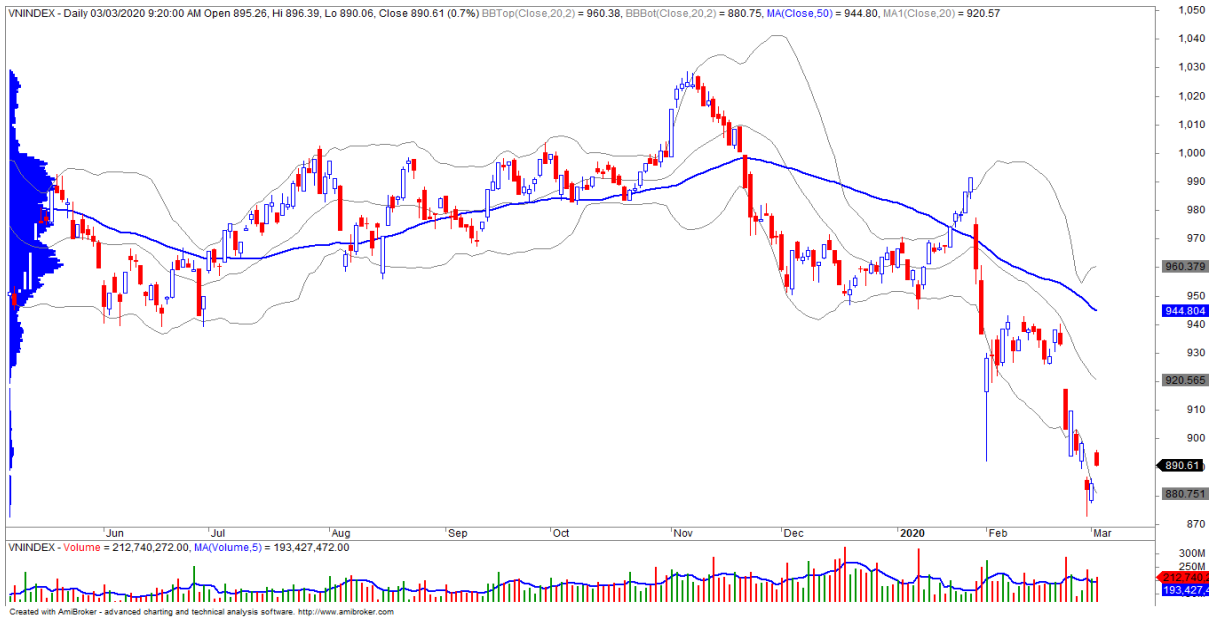
Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 906.55 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức hỗ trợ ở mức 106.80 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường. Đồng thời, các nhà đầu tư cũng có thể cân nhắc giải ngân với tỷ trọng thấp dưới 30%.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 29% cổ phiếu/71% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.65	GIẢM	TĂNG		13.18			12.35	11.21	2.43%	MUA
ACB	25.60	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	23.02	6.67%	
ACV	57.00	TĂNG	GIẢM	57.00	56.25	0.00%	MUA		67.00		
ANV	18.20	GIẢM	GIẢM		18.47				21.46		
ASM	5.82	TĂNG	GIẢM	5.80	5.40	0.34%			6.62		
BFC	11.95	TĂNG	GIẢM	11.20	11.45	6.70%			12.24		
BID	46.90	GIẢM	GIẢM		49.10			33.40	49.22	47.36%	BÁN
BMP	41.40	GIẢM	GIẢM		43.15				45.49		
BSR	7.90	TĂNG	GIẢM	7.90	7.89	0.00%	MUA		8.84		
BVH	55.70	GIẢM	GIẢM		58.55				64.91		
BWE	21.00	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.10	GIẢM	GIẢM		8.65				9.26		
CII	22.50	GIẢM	GIẢM		22.79			26.00	22.83	-12.20%	BÁN
CMG	31.10	GIẢM	GIẢM		32.55				34.69		
CMX	12.60	GIẢM	TĂNG		13.35			13.50	9.24	-6.67%	
CSM	15.00	TĂNG	TĂNG	14.70	14.26	2.04%		12.25	14.75	22.45%	MUA
CTD	68.40	TĂNG	TĂNG	68.40	68.20	0.00%	MUA	64.20	56.00	6.54%	
CTG	26.45	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	12.31%	
CTR	44.90	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-6.85%		49.70	40.69	-9.66%	
CVT	18.95	GIẢM	GIẢM		19.78				21.66		
DCM	6.03	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	1.69%		6.18	5.63	-2.43%	
DGC	24.30	GIẢM	GIẢM		25.11				26.93		
DGW	26.85	GIẢM	TĂNG		26.96			25.20	24.11	6.55%	
DHA	31.80	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	-0.16%			32.52		
DHC	38.50	TĂNG	TĂNG	38.50	38.23	0.00%	MUA	37.70	36.02	2.12%	
DHG	93.80	GIẢM	TĂNG		100.17			99.50	88.63	-5.73%	
DIG	13.00	GIẢM	TĂNG		13.32			12.55	11.62	3.59%	MUA
DPG	28.00	GIẢM	GIẢM		30.23				32.83		
DPM	12.40	GIẢM	GIẢM		12.55				12.75		
DPR	37.70	GIẢM	TĂNG		39.85			41.30	36.21	-8.72%	
DQC	13.80	GIẢM	GIẢM		14.53				15.72		
DRC	22.25	GIẢM	GIẢM		23.79				25.96		
DXG	12.50	GIẢM	GIẢM		12.89				13.70		
EIB	17.50	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-1.69%		18.40	16.46	-4.89%	

We Create Fortune

FCN	9.20	GIẢM	GIẢM		9.75			10.51		
FMC	23.05	GIẢM	GIẢM		24.18			26.56		
FPT	55.90	TĂNG	GIẢM	56.00	52.63	-0.18%		56.69		
GAS	80.00	GIẢM	GIẢM		81.02			92.82		
GEX	18.05	GIẢM	GIẢM		18.88			20.45		
GIL	18.85	GIẢM	TĂNG		20.51		18.90	17.41	-0.26%	
GMD	19.15	GIẢM	GIẢM		19.95			21.10		
GTN	16.25	GIẢM	GIẢM		17.93			19.23		
GVR	13.10	TĂNG	TĂNG	11.80	11.19	11.02%		12.77		
HAG	3.31	GIẢM	GIẢM		3.49			3.97		
HAX	11.90	GIẢM	GIẢM		12.60			16.30		
HBC	10.35	GIẢM	GIẢM		10.93			12.07		
HCM	17.30	GIẢM	GIẢM		18.60			21.47		
HDB	27.70	GIẢM	TĂNG		29.00		29.95	25.76	-7.51%	
HDC	19.55	GIẢM	GIẢM		21.15			23.28		
HDG	26.30	GIẢM	GIẢM		28.20			29.65		
HNG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.78			14.51		
HPG	22.30	GIẢM	GIẢM		23.48		23.85	23.23	-2.62%	BÁN
HSG	7.59	GIẢM	TĂNG		8.11		7.75	7.52	-2.06%	
HT1	14.10	GIẢM	TĂNG		14.86		16.90	13.91	-16.57%	
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.19			2.58		
HVN	22.70	GIẢM	GIẢM		24.22			30.32		
KBC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.08		14.37	14.21	3.70%	BÁN
KDH	24.60	GIẢM	GIẢM		25.00			26.24		
KSB	20.55	TĂNG	TĂNG	19.65	18.54	4.58%	19.65	15.18	4.58%	MUA
LCG	6.39	GIẢM	GIẢM		6.66			7.57		
LDG	6.23	GIẢM	GIẢM		6.52			7.94		
LHG	14.45	GIẢM	GIẢM		14.87			16.11		
LPB	8.70	TĂNG	TĂNG	7.90	6.72	10.13%	7.40	6.18	17.57%	
MBB	20.90	GIẢM	GIẢM		21.52			22.70		
MPC	23.00	TĂNG	TĂNG	22.00	20.33	4.55%	24.10	19.14	-4.56%	
MSN	49.00	GIẢM	GIẢM		51.45			56.41		
MSR	14.70	TĂNG	GIẢM	15.00	13.60	-2.00%		16.05		
MWG	106.40	GIẢM	GIẢM		110.77			118.39		
NDN	15.60	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	1.30%		16.36		
NKG	8.29	GIẢM	GIẢM		8.80			9.51		
NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		25.92		28.70	28.61	-0.32%	BÁN
NT2	19.90	GIẢM	TĂNG		20.29		20.55	18.73	-3.16%	
NTL	20.20	GIẢM	GIẢM		21.54			23.30		



We Create Fortune

NVL	53.70	GIẢM	GIẢM		55.39				58.55		
OIL	6.90	GIẢM	GIẢM		7.17				8.38		
PAC	23.20	GIẢM	GIẢM		23.90				25.39		
PC1	14.65	GIẢM	GIẢM		15.32				17.81		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.50	25.15	-1.51%		29.00	25.19	-10.00%	
PHR	47.00	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	22.08%		47.20	34.83	-0.42%	MUA
PLX	50.30	GIẢM	GIẢM		52.45				55.87		
PNJ	82.00	GIẢM	GIẢM		85.35				89.93		
POW	9.93	GIẢM	GIẢM		10.58				11.22		
PVT	12.15	GIẢM	GIẢM		13.02				14.77		
PPC	27.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	0.75%		28.40	24.97	-4.93%	
PTB	63.50	GIẢM	GIẢM		66.42				72.44		
PVB	15.30	GIẢM	GIẢM		16.05				18.20		
PVD	12.10	GIẢM	GIẢM		12.76				14.83		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		32.07				33.18		
PVS	15.20	GIẢM	GIẢM		16.00				18.18		
PXS	4.68	GIẢM	GIẢM		5.13			6.20	4.92	-20.71%	
QNS	25.50	GIẢM	GIẢM		26.76			28.48	26.05	-8.53%	BÁN
REE	32.40	GIẢM	GIẢM		33.69				36.65		
SAB	170.00	GIẢM	GIẢM		177.71				206.16		
SAM	10.10	GIẢM	TĂNG		10.20			7.40	8.90	36.49%	
SCR	4.93	GIẢM	GIẢM		5.37				5.86		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.13			6.99	8.30	28.76%	
SJS	19.35	GIẢM	TĂNG		20.90			17.00	16.25	13.82%	
SKG	10.65	GIẢM	GIẢM		11.06				12.46		
SSI	15.95	GIẢM	GIẢM		16.96				19.29		
STB	12.25	TĂNG	TĂNG	12.35	11.20	-0.81%		10.20	10.31	20.10%	
TCB	22.50	GIẢM	GIẢM		23.03				23.81		
TCM	17.70	GIẢM	GIẢM		19.23			21.53	18.41	-14.47%	BÁN
TDH	9.45	GIẢM	GIẢM		10.05				10.67		
TLH	3.20	GIẢM	GIẢM		3.37				3.97		
TNG	13.90	GIẢM	TĂNG		14.99			15.50	13.32	-10.32%	
VCB	82.20	GIẢM	GIẢM		85.31			61.45	86.74	41.14%	BÁN
VCG	25.60	TĂNG	GIẢM	24.50	24.15	4.49%			26.70		
VCS	67.80	GIẢM	GIẢM		72.70				77.55		
VGC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	2.21%			18.80		
VGT	8.20	GIẢM	TĂNG		8.73			9.10	7.69	-9.89%	
VHC	33.50	GIẢM	GIẢM		33.63				38.00		
VHM	80.50	GIẢM	GIẢM		83.25				91.72		



We Create Fortune

VIB	18.30	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	0.55%		17.70	16.76	3.39%	
VIC	105.50	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-4.09%			113.04		
VIP	5.05	GIẢM	TĂNG		5.32			5.54	4.93	-8.84%	
VJC	120.80	GIẢM	GIẢM		123.76				136.53		
VND	13.80	GIẢM	TĂNG		14.21			14.70	13.53	-6.12%	BÁN
VNG	16.30	GIẢM	GIẢM		17.31				19.79		
VNM	105.30	GIẢM	GIẢM		109.84				116.15		
VPB	27.15	GIẢM	TĂNG		29.14			21.90	24.70	23.97%	
VPI	41.50	GIẢM	TĂNG		42.59			41.30	40.58	0.48%	
VRC	6.56	GIẢM	GIẢM		7.54				9.77		
VRE	28.45	GIẢM	GIẢM		30.16				33.88		
VSC	24.15	GIẢM	GIẢM		24.80			27.00	24.46	-9.40%	BÁN

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	25.60	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	23.02	6.67%	
BID	46.90	GIẢM	GIẢM		49.10			33.40	49.22	47.36%	BÁN
BSR	7.90	TĂNG	GIẢM	7.90	7.89	0.00%	MUA		8.84		
BVH	55.70	GIẢM	GIẢM		58.55				64.91		
CTG	26.45	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	12.31%	
FPT	55.90	TĂNG	GIẢM	56.00	52.63	-0.18%			56.69		
GAS	80.00	GIẢM	GIẢM		81.02				92.82		
GEX	18.05	GIẢM	GIẢM		18.88				20.45		
GVR	13.10	TĂNG	TĂNG	11.80	11.19	11.02%			12.77		
HDB	27.70	GIẢM	TĂNG		29.00			29.95	25.76	-7.51%	
HNG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.78				14.51		
HPG	22.30	GIẢM	GIẢM		23.48			23.85	23.23	-2.62%	BÁN
HVN	22.70	GIẢM	GIẢM		24.22				30.32		
KDH	24.60	GIẢM	GIẢM		25.00				26.24		
MBB	20.90	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MSN	49.00	GIẢM	GIẢM		51.45				56.41		
MWG	106.40	GIẢM	GIẢM		110.77				118.39		
NVL	53.70	GIẢM	GIẢM		55.39				58.55		
OIL	6.90	GIẢM	GIẢM		7.17				8.38		
PLX	50.30	GIẢM	GIẢM		52.45				55.87		
PNJ	82.00	GIẢM	GIẢM		85.35				89.93		

We Create Fortune

POW	9.93	GIẢM	GIẢM		10.58			11.22		
QNS	25.50	GIẢM	GIẢM		26.76		28.48	26.05	-8.53%	BÁN
REE	32.40	GIẢM	GIẢM		33.69			36.65		
ROS	7.44	GIẢM	GIẢM		8.53			11.75		
SBT	21.10	TĂNG	TĂNG	18.50	20.99	14.05%	17.50	19.55	20.57%	
SSI	15.95	GIẢM	GIẢM		16.96			19.29		
STB	12.25	TĂNG	TĂNG	12.35	11.20	-0.81%	10.20	10.31	20.10%	
TCB	22.50	GIẢM	GIẢM		23.03			23.81		
TPB	21.40	GIẢM	GIẢM		21.48			23.94		
VCB	82.20	GIẢM	GIẢM		85.31		61.45	86.74	41.14%	BÁN
VCG	25.60	TĂNG	GIẢM	24.50	24.15	4.49%		26.70		
VCS	67.80	GIẢM	GIẢM		72.70			77.55		
VEA	40.20	GIẢM	GIẢM		41.87			59.45		
VGI	27.60	GIẢM	TĂNG		29.76		28.30	24.29	-2.47%	
VHM	80.50	GIẢM	GIẢM		83.25			91.72		
VIB	18.30	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	0.55%	15.00	16.76	21.96%	
VIC	105.50	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-4.09%		113.04		
VJC	120.80	GIẢM	GIẢM		123.76			136.53		
VNM	105.30	GIẢM	GIẢM		109.84			116.15		
VPB	27.15	GIẢM	TĂNG		29.14		21.90	24.70	23.97%	
VRE	28.45	GIẢM	GIẢM		30.16			33.88		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.65	GIẢM	TĂNG		13.18			13.30	11.21	-4.89%	
ANV	18.20	GIẢM	GIẢM		18.47			21.46			
ASM	5.82	TĂNG	GIẢM	5.80	5.40	0.34%		6.62			
BMI	22.15	GIẢM	GIẢM		23.32			26.23			
BMP	41.40	GIẢM	GIẢM		43.15			45.49			
BWE	21.00	GIẢM	GIẢM		21.82			22.61			
CEO	8.10	GIẢM	GIẢM		8.65			9.26			
CII	22.50	GIẢM	GIẢM		22.79		26.00	22.83	-12.20%	BÁN	
CRE	22.65	GIẢM	GIẢM		22.83			23.60			
CTI	21.90	TĂNG	GIẢM	22.20	20.52	-1.35%		23.07			
CTR	44.90	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-6.85%	43.70	40.69	2.75%		
D2D	62.50	TĂNG	TĂNG	54.90	58.12	13.84%	64.00	46.10	-2.34%		

We Create Fortune

DBD	47.50	GIẢM	GIẢM		50.99				57.36		
DCM	6.03	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	1.69%		6.18	5.63	-2.43%	
DGW	26.85	GIẢM	TĂNG		26.96			25.20	24.11	6.55%	
DHC	38.50	TĂNG	TĂNG	38.50	38.23	0.00%	MUA	37.70	36.02	2.12%	
DIG	13.00	GIẢM	TĂNG		13.32			13.20	11.62	-1.52%	
DPG	28.00	GIẢM	GIẢM		30.23				32.83		
DPM	12.40	GIẢM	GIẢM		12.55				12.75		
DRC	22.25	GIẢM	GIẢM		23.79				25.96		
DXG	12.50	GIẢM	GIẢM		12.89				13.70		
E1VFN30	14.08	TĂNG	GIẢM	14.68	13.84	-4.09%			15.42		
FCN	9.20	GIẢM	GIẢM		9.75				10.51		
FLC	3.87	GIẢM	GIẢM		4.02				4.74		
GEG	21.00	GIẢM	GIẢM		21.86				26.06		
GMD	19.15	GIẢM	GIẢM		19.95				21.10		
GTN	16.25	GIẢM	GIẢM		17.93				19.23		
HAG	3.31	GIẢM	GIẢM		3.49				3.97		
HBC	10.35	GIẢM	GIẢM		10.93				12.07		
HCM	17.30	GIẢM	GIẢM		18.60				21.47		
HDC	19.55	GIẢM	GIẢM		21.15				23.28		
HDG	26.30	GIẢM	GIẢM		28.20				29.65		
HPX	26.90	GIẢM	#N/A		27.75			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.59	GIẢM	TĂNG		8.11			7.75	7.52	-2.06%	
HT1	14.10	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-16.57%	
HTM	15.70	GIẢM	TĂNG		17.92			20.00	15.34	-21.50%	
IBC	20.75	TĂNG	GIẢM	20.80	20.32	-0.24%			21.22		
IDI	4.41	TĂNG	GIẢM	4.45	4.11	-0.90%			4.85		
IJC	13.25	GIẢM	GIẢM		13.94				15.38		
ITA	2.30	GIẢM	GIẢM		2.39				2.57		
KBC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.08			14.85	14.21	0.36%	BÁN
KDC	18.20	GIẢM	GIẢM		18.85				20.22		
KOS	28.10	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	6.84%	
KSB	20.55	TĂNG	TĂNG	19.65	18.54	4.58%		19.10	15.18	7.59%	
LDG	6.23	GIẢM	GIẢM		6.52				7.94		
LPB	8.70	TĂNG	TĂNG	7.90	6.72	10.13%		7.40	6.18	17.57%	
MBG	14.70	GIẢM	GIẢM		17.28				26.71		
MBS	11.00	GIẢM	GIẢM		11.64				13.43		
MPC	23.00	TĂNG	TĂNG	22.00	20.33	4.55%		24.10	19.14	-4.56%	
NBB	19.30	GIẢM	GIẢM		19.86				22.02		



We Create Fortune

NKG	8.29	GIẢM	GIẢM		8.80			9.51		
NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		25.92			28.61		
NT2	19.90	GIẢM	TĂNG		20.29		20.55	18.73	-3.16%	
NTL	20.20	GIẢM	GIẢM		21.54			23.30		
NVB	8.80	GIẢM	TĂNG		9.32		8.50	8.62	3.53%	
OGC	3.41	GIẢM	GIẢM		3.45			3.80		
PC1	14.65	GIẢM	GIẢM		15.32			17.81		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.50	25.15	-1.51%	23.59	25.19	10.62%	
PHR	47.00	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	22.08%	47.20	34.83	-0.42%	
PPC	27.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	0.75%	28.40	24.97	-4.93%	
PTB	63.50	GIẢM	GIẢM		66.42			72.44		
PVD	12.10	GIẢM	GIẢM		12.76			14.83		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		32.07			33.18		
PVS	15.20	GIẢM	GIẢM		16.00			18.18		
PVT	12.15	GIẢM	GIẢM		13.02			14.77		
QCG	4.88	TĂNG	TĂNG	4.00	4.20	22.00%	4.28	4.13	14.02%	MUA
SCR	4.93	GIẢM	GIẢM		5.37			5.86		
SGP	6.10	GIẢM	GIẢM		6.78			7.68		
SHB	11.30	TĂNG	TĂNG	8.00	8.68	41.25%	7.10	6.10	59.15%	
SHS	8.50	TĂNG	TĂNG	7.20	7.50	18.06%	7.90	7.73	7.59%	MUA
SZC	17.90	GIẢM	TĂNG		18.11		17.85	17.81	0.28%	MUA
TCH	34.45	GIẢM	GIẢM		35.54		26.15	40.52	54.94%	BÁN
TCM	17.70	GIẢM	GIẢM		19.23		21.53	18.41	-14.47%	BÁN
TDH	9.45	GIẢM	GIẢM		10.05			10.67		
TNG	13.90	GIẢM	TĂNG		14.99		15.50	13.32	-10.32%	
TTB	3.38	GIẢM	GIẢM		3.67			5.49		
VGC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	2.21%		18.80		
VGT	8.20	GIẢM	TĂNG		8.73		9.10	7.69	-9.89%	
VHC	33.50	GIẢM	GIẢM		33.63			38.00		
VND	13.80	GIẢM	TĂNG		14.21		14.70	13.53	-6.12%	BÁN
VNG	16.30	GIẢM	GIẢM		17.31			19.79		
VPI	41.50	GIẢM	TĂNG		42.59		41.30	40.58	0.48%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	6.70	GIẢM	GIẢM		7.18				8.16		
AGR	3.33	GIẢM	GIẢM		3.45				3.77		
AMD	2.51	TĂNG	TĂNG	2.35	2.01	6.81%			2.28		
APG	9.67	GIẢM	TĂNG		10.21			9.90	9.37	-2.32%	
ART	2.60	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	13.04%	
BCG	6.11	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-7.28%			7.34		
C4G	5.60	GIẢM	GIẢM		6.03				6.98		
C69	6.80	TĂNG	GIẢM	6.30	6.45	7.94%			10.52		
CCL	6.09	GIẢM	GIẢM		6.36				7.40		
CVT	18.95	GIẢM	GIẢM		19.78				21.66		
DAH	8.44	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.85	GIẢM	GIẢM		1.98				2.21		
DRH	6.58	TĂNG	TĂNG	3.63	5.20	81.27%		4.70	3.07	40.00%	
DTD	12.80	TĂNG	TĂNG	10.80	11.00	18.52%		12.40	11.67	3.23%	MUA
EVG	2.57	TĂNG	GIẢM	2.55	2.32	0.78%			2.73		
FIT	7.20	GIẢM	GIẢM		7.74				9.74		
FTM	2.03	TĂNG	GIẢM	1.84	1.91	10.33%			2.92		
FUES SV50	12.40	GIẢM	GIẢM		12.40				12.91		
GKM	15.70	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	4.67%		14.90	14.87	5.37%	
HAH	10.40	GIẢM	GIẢM		11.25				11.79		
HAI	2.85	GIẢM	GIẢM		2.86				3.33		
HAR	3.37	GIẢM	GIẢM		3.43				4.02		
HDA	7.90	GIẢM	GIẢM		8.12				9.68		
HHP	13.80	TĂNG	TĂNG	13.80	12.89	0.00%	MUA		13.13		
HHS	5.12	TĂNG	TĂNG	4.79	4.14	6.89%		3.36	3.91	52.38%	
HID	2.57	TĂNG	TĂNG	2.36	2.36	8.90%		2.63	2.16	-2.28%	
HII	13.15	TĂNG	TĂNG	9.61	12.75	36.84%		11.00	10.35	19.55%	
HQC	1.09	GIẢM	GIẢM		1.10				1.15		
HSL	5.75	GIẢM	GIẢM		6.30				7.43		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.19				2.58		
HVG	6.70	GIẢM	GIẢM		7.56			3.90	6.94	78.05%	BÁN
HVH	10.80	GIẢM	GIẢM		11.46				14.11		
IDJ	16.00	GIẢM	TĂNG		19.17			7.20	9.82	122.22%	



We Create Fortune

JVC	3.32	GIẢM	GIẢM		3.65				3.79		
KLF	1.50	TĂNG	TĂNG	1.60	1.28	-6.25%		1.50	1.33	0.00%	
LCG	6.39	GIẢM	GIẢM		6.66				7.57		
LGL	5.75	GIẢM	GIẢM		6.49				7.41		
LHG	14.45	GIẢM	GIẢM		14.87				16.11		
LMH	2.03	GIẢM	GIẢM		2.44				4.36		
MST	6.90	TĂNG	TĂNG	6.90	6.87	0.00%	MUA	3.40	5.46	102.94%	
NDN	15.60	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	1.30%			16.36		
PHC	10.75	GIẢM	GIẢM		10.91				11.50		
PLP	9.90	TĂNG	GIẢM	10.05	8.61	-1.49%			10.52		
PVB	15.30	GIẢM	GIẢM		16.05				18.20		
PVC	6.00	GIẢM	GIẢM		6.54				6.78		
PVX	0.90	GIẢM	GIẢM		1.17				1.30		
PXL	8.60	TĂNG	TĂNG	8.10	8.14	6.17%		6.70	6.66	28.36%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.13			5.77	8.30	56.11%	
SJF	1.63	GIẢM	GIẢM		1.74				2.06		
SPP	1.60	GIẢM	GIẢM		1.67				2.13		
TDC	8.15	GIẢM	GIẢM		8.29				8.84		
TIG	7.40	TĂNG	TĂNG	6.40	6.74	15.63%		3.20	5.59	131.25%	
TLH	3.20	GIẢM	GIẢM		3.37				3.97		
TNA	17.70	GIẢM	GIẢM		19.28				21.92		
TNI	10.15	GIẢM	TĂNG		10.28			10.90	9.99	-6.88%	
TSC	2.14	GIẢM	GIẢM		2.35				2.94		
TTF	2.70	TĂNG	TĂNG	2.58	2.64	4.65%		2.85	2.40	-5.26%	
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.71				2.88		
TVC	28.70	GIẢM	TĂNG		31.07			14.30	26.65	100.70%	
VC3	16.30	GIẢM	GIẢM		16.79			14.24	16.32	14.67%	BÁN
VCR	11.80	GIẢM	TĂNG		13.08			12.90	7.61	-8.53%	
VNA	2.90	TĂNG	GIẢM	3.10	2.70	-6.45%			3.80		
VNE	4.11	TĂNG	TĂNG	3.85	3.48	6.75%			3.70		
VRC	6.56	GIẢM	GIẢM		7.54				9.77		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	890.61	0.70%
VN30	837.99	0.31%
VN Mid	872.51	1.14%
VN Small	728.41	1.23%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	112.58	1.73%
HN30	203.23	2.37%
VNX AllSh	798.8	0.46%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	55.47	0.54%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	585.43	
Bán	854.32	
GT rỗng	-268.88	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.43	
Bán	88.41	
GT rỗng	-84.97	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	47.29	
Bán	34.23	
GT rỗng	13.06	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	4500	6.99%
DGW	1750	6.97%
HHS	330	6.89%
CTD	4400	6.88%
DPG	1800	6.87%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TIG	600	8.82%
SHB	800	7.62%
SHS	300	3.66%
AMV	600	3.21%
ACB	400	1.59%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	1100	14.47%
ACV	4100	7.75%
GVR	800	6.50%
BSR	400	5.33%
MPC	900	4.07%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAH	-300	-2.80%
VNG	-400	-2.40%
MSH	-700	-1.69%
PPC	-450	-1.64%
SBT	-300	-1.40%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SLS	-3600	-6.21%
CEO	0	0.00%
HUT	0	0.00%
IDJ	0	0.00%
NDN	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DVN	-300	-2.48%
PXL	-200	-2.27%
HND	-300	-1.75%
QNS	-100	-0.39%
DDV	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	356,508	
VCB	303,386	
VHM	264,806	
VNM	181,974	
BID	181,594	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,744	
SHB	18,431	
VCG	11,219	
VCS	10,784	
PVS	7,169	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	115,074	
VEA	52,832	
GVR	49,280	
MCH	47,342	
BCM	26,496	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	15,552,620	11,444,193
KOS	10,243,900	216,495
FLC	9,910,350	6,235,125
CTG	9,582,110	8,631,821
DLG	8,537,380	6,464,079

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	43,612,994	15,917,547
ACB	6,364,704	5,098,204
NVB	3,928,510	2,363,209
ART	2,933,892	1,464,984
PVS	2,534,332	2,061,275

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
DDV	22,609,725	1,605
BSR	4,877,781	1,500,340
LPB	4,435,557	1,866,368
ORS	2,908,100	75,329
VIB	1,753,871	1,480,418

Nguồn: Bloomberg & YSVN

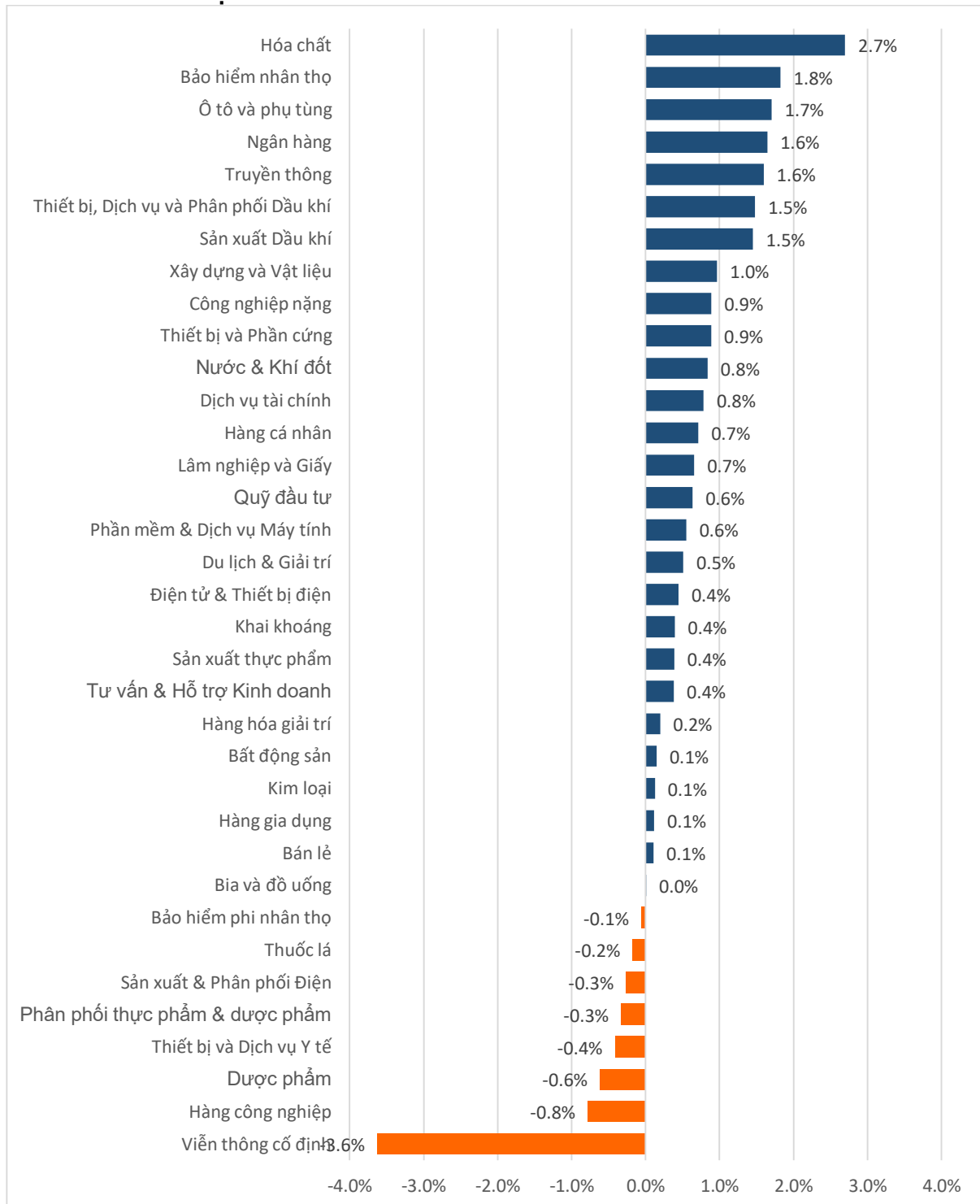
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



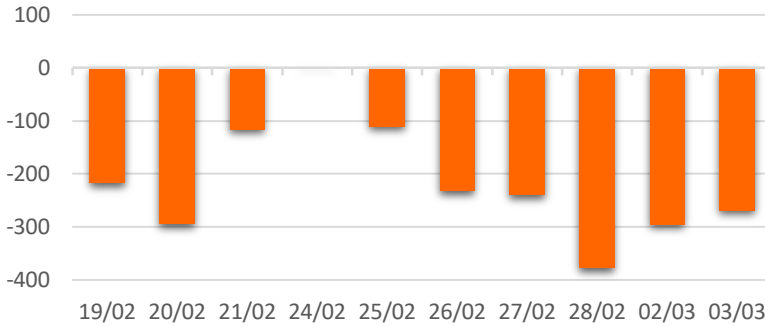
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

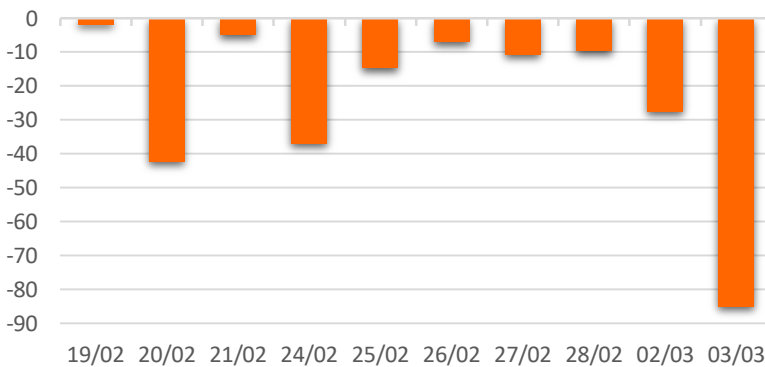
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	27,579	HPG	59,082
NLG	25,425	HDB	37,482
CTG	25,159	VHM	35,664
PHR	13,872	VIC	35,426
BID	12,392	VRE	33,291

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

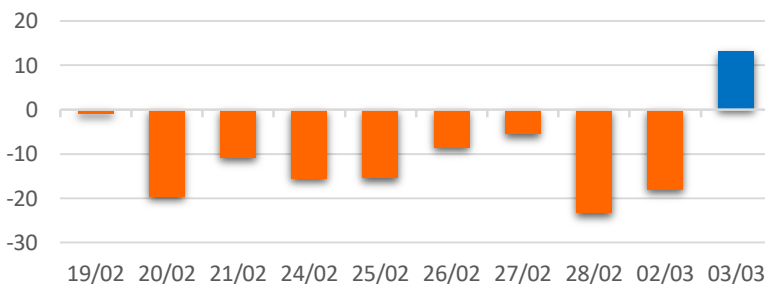
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SLS	463	SHB	61,264
TIG	421	PVS	17,969
AMV	237	PGS	2,873
MBS	226	NTP	2,016
VCS	136	SHS	864

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
LPB	9,686	QNS	2,298
ACV	4,446	MLS	51
BSR	4,359	MPC	25
VEA	657	TTN	18
LTG	176	SAS	13

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



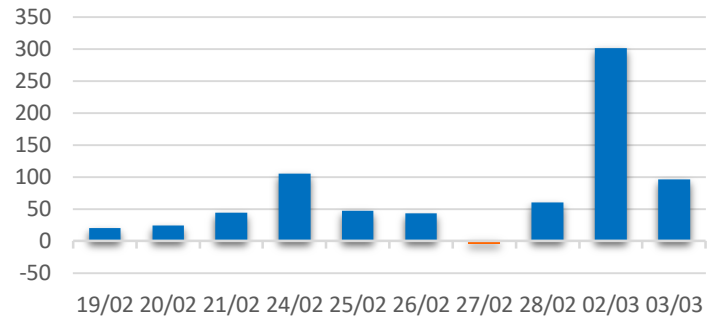
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

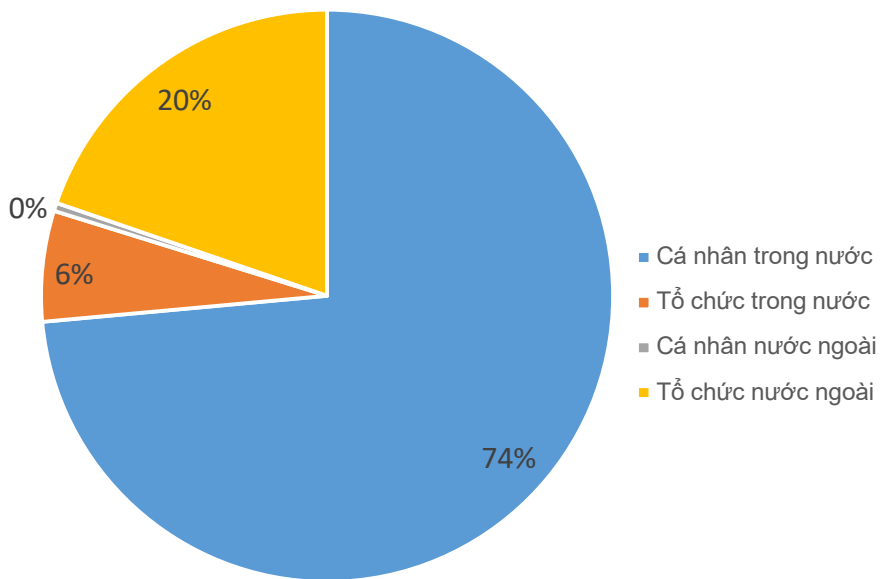
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	13,498	E1VFN30	27,567
TCB	12,428	MBB	14,040
MSN	11,788	VCB	6,479
VPB	11,674	VNM	5,807
MWG	11,140	NKG	2,511

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

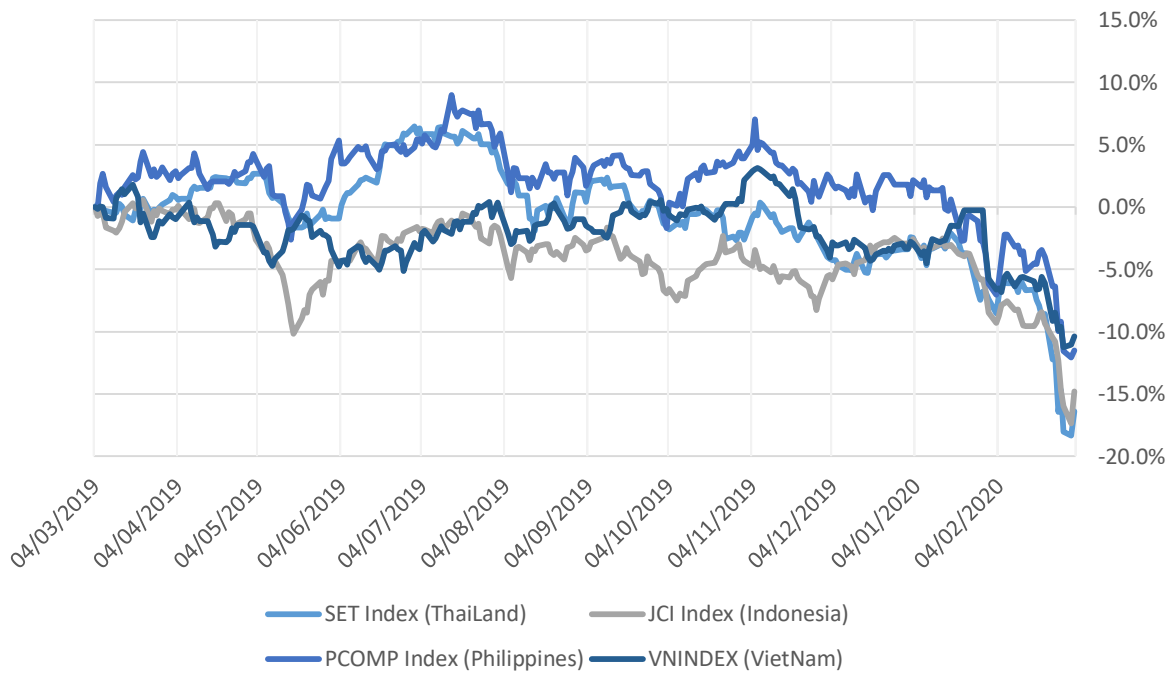


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

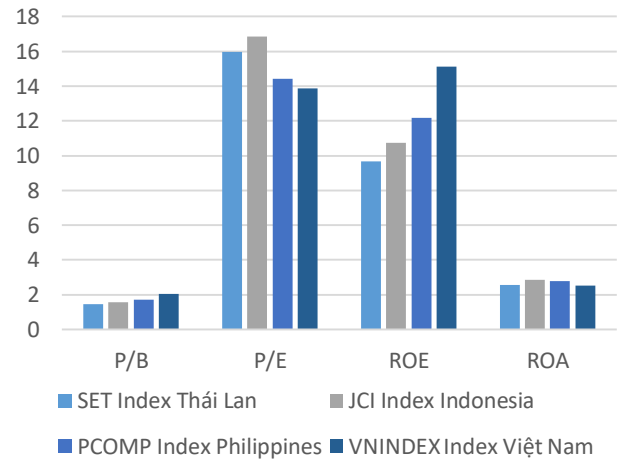
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.4x	1.5x	1.7x	2.0x
P/E		15.5x	16.5x	14.7x	13.8x
ROE	%	9.64	10.73	11.87	15.11
ROA	%	2.55	2.83	2.70	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	459.50	443.62	167.00	130.00
GTGD	Triệu USD	2.45	0.52	0.14	0.14
LS cổ tức	%	3.87	2.95	1.84	2.26

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written